

HỒ NGỌC NHUẬN

ĐỜI

Hồi ký

CHƯƠNG XVIII

30 NĂM MỚI CÓ MỘT NGÀY

TỪ MEMPHIS, HOA KỲ.– VỀ ANH BẠN ISHIDA TAKESHI VÀ THẺNG CHÁU NHUẬN BÙI CỦA TÔI.– TRỞ LẠI CHUYỆN MEMPHIS.– LẠI TỪ HOA KỲ.– TỪ CẦN THƠ.– TỪ SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.– THAY LỜI KẾT

Tập sách này đã được “ cơ bản hoàn thành ” vào năm 2000-2001, như có nói trong “ Lời Nói Đầu ”. Nhưng nói là nói vậy thôi chứ “ cơ bản hoàn thành ”, ở đây, theo ngôn ngữ thời thượng bây giờ, cũng có nghĩa là “ chưa xong ”. Và đối với cuốn sách này, nó cứ “ cơ bản hoàn thành ”, hay “ chưa xong ”, là vì không tìm được nhà xuất bản. Kỳ thật cũng có một nhà xuất bản, Nhà xuất bản Trẻ ở Sài Gòn, đã xem đi xem lại, bàn tới bàn lui mấy lần, nhưng sau cùng “ vì thấy hơi lo cho tác giả ” (*sic*) nên thôi không tiến tới. Vì vậy mới có mấy tập photo bản thảo tôi gửi bạn bè đọc chơi vào năm 2003.

Tương vậy là có số xui, nào ngờ lại hóa hên : sách nói về “ *những người tù của tôi* ”, nhưng nếu được cho ra đời trước đây mấy năm thì lại thiếu mất những người tù không thể thiếu của đời tôi, những người tù mà hơn 30 năm sau tôi mới gặp lại. Vì vậy nên tôi hết sức cảm ơn mấy ông bạn cũ từng gắn bó một thời với tôi đã cho tôi gặp lại, cảm ơn tình bạn, và cảm ơn cả cái số bị treo, không được phép xuất bản sách của tôi nữa...

Từ Memphis, Hoa Kỳ

Ở một chương trước, tôi có nói về những ngày tôi đi lính ở Thất Sơn, Châu Đốc, và về những người bạn lính đã từng “ che chắn ” cho tôi khi tôi “ nhảy dù ” về Sài Gòn để đi gặp ông Dương Văn Minh khi ông này đảo chánh ông Diệm, năm 1963. Thời cuộc đất nước từ đây đã có nhiều diễn biến dồn dập, đời người cũng vậy, và chúng tôi mỗi người mỗi ngả. Cho tới một hôm, rồi sau đó nhiều hôm, sau ngày 30-4-2005, có người về từ Hoa Kỳ tìm gặp tôi cho bằng được, trong đó có người chưa hề biết mặt tôi, để báo cho tôi một tin vui : một trong những anh bạn thân thiết nhất của tôi ở Thất Sơn ngày nào, anh Lê Văn Phùng, người gốc Thạnh Phú, Bến Tre, gọi lời thăm. Và rồi, như để cải chính cái câu

cửa miệng “ phước bất trùng lai ” của người đời, một anh bạn khác của anh Phùng và tôi, cũng từng ở Thất Sơn, anh Bùi Thái Thạch, người gốc Thủ Đức, lại về thăm quê và đã đích thân đến thăm tôi, từ Nhật Bản. Với một cái tên Nhật mà tôi phải ghi vào sổ và đọc đi đọc lại nhiều lần để không quên, cùng một cái họ Nhật mà anh là người đầu tiên mở ra trên đất Nhật, họ Ishida.

Về anh bạn Ishida Takeshi và thằng cháu Nhuận Bùi của tôi

Anh giải thích : “ Thật ra thì họ Ishida của tôi là một họ Nhật, nhưng nói theo gia phả của một họ thì họ Ishida của tôi là bắt đầu từ tôi vì tôi chế ra khi lấy quốc tịch Nhật, do sáp nhập tên tôi và tên trường nam của tôi để thành một họ. Tên tôi là Thạch (đá) mà tiếng Nhật gọi là Ishi, và tên con tôi là Điền (ruộng), tiếng Nhật gọi là Ta, nhưng viết nhập lại với chữ Ishi thì đọc là Đa, vì thế nên thành Ishida. Còn tên tôi là Ken, chữ Nho gọi là Kiến (ở trong chữ kiến thiết). Kiến có nghĩa là xây dựng, nên chọn tên Ken là tôi muốn nói lên ý là họ Ishida (này) đã được tôi dựng lên... Nếu viết chữ Hán cả tên họ tôi thì người Nhật sẽ đọc Ishida Takeshi hoặc gì khác nữa chứ không ai đọc là Ishida Ken hết... ”

Còn một điều khác nữa mà anh bạn Ishida Bùi Thái Thạch của tôi đã làm tôi cảm động không ít và tôi không thể nào quên. Đó là về tên đứa con trai út của anh, sanh năm 1975, là năm anh phải đi học tập cải tạo. Cháu có vợ Nhật đã được bốn năm rồi. Trong một thư điện tử viết cho tôi mới đây, anh kể : “ ... Còn đứa con trai út của tôi thì khi nhập quốc tịch Nhật nó bối rối không biết chọn tên nào (các con tôi đều tự chọn tên lấy) nên tôi đã cố vấn cho nó chọn tên Nhuận (thật sự lúc đó tôi có nghĩ đến anh, vì...) ... Trong tiếng Hán có hai chữ Nhuận : nhuận như trong năm nhuận, và nhuận như trong nhuận trường... Với chữ viết tên đó thì người Nhật sẽ đọc là Jun, nhưng tên con tôi thì tự mình chọn cách đọc là Hiroshi (sự rộng rãi). Ishida Hiroshi, tên nó không có chữ lót như tên Việt Nam...”

Tôi trả lời thư anh Ishida Thạch của tôi : “ Anh biết cái tật cố hữu của tôi là gì rồi – là thích uống rượu. Vì vậy, nếu cháu Hiroshi (Nhuận Bùi) làm điều gì vừa ý anh chị thì xin anh chị thưởng cho cháu vài ly rượu sakê, còn nếu lỡ có điều gì anh chị không vừa ý về cháu thì, vì nhớ đến thằng Hiroshi này (Nhuận Hồ), mà xin chỉ phạt cháu không được uống rượu một thời gian là đủ... ”

Trở lại chuyện Memphis

“ *30 năm mới có một ngày* ” là cái tựa của một loạt bài trên Tin Sáng bộ mới, sau ngày 30-4-1975, của cô Huỳnh Cẩm Nhung, hiện cũng đang định cư ở Hoa Kỳ, viết về những cuộc tái ngộ với những người thân miền Nam của những người đã tập kết ra Bắc sau chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất. Nhưng “ *30 năm mới có một ngày* ” bây giờ là của chúng tôi, những người bạn lính cũ, trong chiến tranh Việt Nam lần thứ hai. Một ngày đầy ắp những nhớ và nhớ, và để cùng... cười về bức thư 30 năm mà anh Phùng, một anh Phùng trước sau vẫn vậy, vẫn “ tỉnh queo ”, “ cù không cười ”, đã gửi cho tôi, như sau :

Memphis, ngày 30 tháng Mười 2005

Kính gửi : Anh Nhuận, Hồ Ngọc Nhuận

Trải qua mấy thập niên không gặp, nay tôi xin gọi lại với anh những chuyện cũ, và đồng thời cũng nói lên những việc mới, như sau :

1.- Về chuyện cũ :

- Khóa 14 Thủ Đức : Tôi biết tên anh qua mẩu chuyện vấn đáp của anh với đại tá Huyền (Trần Ngọc Huyền.-Ghi chú của BT), chỉ huy trưởng Trường Võ bị Đà Lạt đến thuyết trình tại Trường Bộ binh Thủ Đức. Lúc này, vừa qua giai

đoạn 2, mình còn lại là bộ binh. (Sau giai đoạn 1, một số sinh viên sĩ quan được tuyển chọn đi học tiếp ở các trường thuộc các binh chủng chuyên môn, số còn lại là chuyên môn... bộ binh. HNN ghi chú) Anh có nói với ông Huyền : Chừng nào người được đi binh chủng mà người đó từ chối với lý do là tự nhận mình không có khả năng thì đó mới là công binh (nghĩa là không có lem nhem). Ông Huyền ú ớ. Thiếu tá Tấn (già), giám đốc trường bộ binh lên tóm cổ micro, nói : Anh lo cho anh không có tài chớ đừng lo có tài mà người ta không dùng anh. Thế là tôi biết được tên anh, Hồ Ngọc Nhuận.

*- **Mãn khóa** : Tôi cũng xin nói với anh về ngày mãn khóa của Trường Thủ Đức. Về phần tôi, khi vào trường là bắt đầu sống tập thể, có người như thế này, có người như thế nọ nên mới bị cán bộ trường nặng nhẹ, mắng nhiếc đủ điều. Lúc đầu tôi ngủ không được, nhưng dần dà rồi cũng quen, và cho đến khi người ta chửi thẳng vào mình mà mình cũng không tự ái, không giận hờn gì cả. Đây là đủ điều kiện ra trường, ngày mãn khóa.*

*- **Trung tâm huấn luyện Thất Sơn** : Trời xui đất khiến như thế nào mà đoàn về Thất Sơn lại có tôi và anh. Rồi lại một việc nữa là Đỗ Văn Tâm, trưởng ban vũ khí lại xếp cho anh và tôi, cặp bài trùng dạy vũ khí nặng cho toán chuyên viên tiểu đoàn về thụ huấn. Thế là tôi được quen với anh kể từ đó.– Anh Đỗ Văn Tâm đã chết rồi. Xin kèm bản copy thơ của con anh Tâm vừa gửi cho tôi. (Thư của cháu Giao, con anh Tâm có đoạn viết : “ ...19/9/05.– Đến nay ba cháu đã ra đi được 21 ngày, thời gian qua thật là nhanh... Từ hai tháng sau cùng ba trở bệnh thật dồn dập. Tháng chót sức khoẻ xuống dần, tính lần từng ngày... Ngày chủ nhật, nằm như ngủ, nhưng trạng thái đã hôn mê. Khoảng 11 giờ trưa trở đi thì miệng vẫn luôn niệm Phật, cho đến 2 giờ yếu dần không thể niệm được nữa. Chúng cháu đều có đủ đứng quanh để cầu nguyện... Vừa tụng kinh xong, trong trạng thái muốn đi, thì tự nhiên ông mở mắt hồi dương, tươi cười bắt tay mừng Thầy. Thầy bảo ông niệm Phật từng tiếng, chậm rãi, rõ ràng “ NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT ”. Một hình ảnh rất đẹp, hiền hòa, nhẹ nhàng, thanh thản... Có thể là*

thanh thoát vứt bỏ tất cả. Chân Thiện Mỹ... là đây.– HNN ghi lại). *Đùng một cái, đảo chánh ông Diệm, anh và tôi trực cây súng cối 81, suốt đêm không ngủ và bàn chuyện thế nhân. Sáng hôm sau anh có cho tôi biết là anh “nhảy dù” về thăm chị. Sau đó vài ngày, thiếu tá Toán cho người tìm anh tử mở, sĩ quan Bộ chỉ huy cứ bám vào tôi mà hỏi. Tôi thì cứ trả lời “câu giờ” để chờ anh về đơn vị, vì sợ anh bị “phạt củ”. Thời gian sau anh có về và rồi lại đi. Và từ đó “đường anh, anh đi ; đường tôi, tôi đi”. Thỉnh thoảng mình có gặp nhau, nhậu nhẹt nhưng chỉ nói chuyện tào lao nam đế, hoặc yêu cầu bạn nhậu diễn tuồng “Tổng tửu Đơn Hùng Tín” tại dốc cầu Bình Tiên. (Có lẽ đây là vào thời gian tôi làm ở các Chương trình Phát triển Quận 8, Quận 6. HNN chú thích). Và rồi đến ngày bẻ đĩa.*

2.– Những chuyện mới : *Sở dĩ tôi nói mới là vì tôi cảm thấy nó lạ, nó không nằm trong phạm vi suy nghĩ thông thường của tôi như là việc ở tù cải tạo, việc sống ở đảo Poulo Bidong (Mã Lai), và việc ở Mỹ.*

- Việc ở tù cải tạo : *Năm 1976 tôi sống ở cuối nguồn Thác Bà (Yên Bái), – nghe nói đập thủy điện này kéo dây đến Hà Nội –, do bộ đội quản lý. Chúng tôi ăn theo với quy chế bộ đội tiền tuyến (theo quy chế hiện vật). Nơi đây tôi được tuyển vào toán cưa xẻ, xẻ gỗ. Ông thiếu úy Ngôn theo toán tôi vài ngày. Thấy chúng tôi cưa mồ hôi nhễ nhại, một phần vì kéo cưa không quen, một phần vì cưa lứt và đường cưa bị “lội”, ông Ngôn có phần thương xót. Tôi bèn nói với ông là trong Nam người ta nói : “Nhứt đ., nhì kéo cưa”, đó là công việc nặng nhọc nhứt. Ông thiếu úy đồng ý và cười thông cảm. Vài ngày sau Bộ chỉ huy trại ra lệnh cho toán cưa ăn hai bữa chính mỗi người một kí lô cơm (trộn khoai mì), ăn sáng thì gấp đôi. Thế mà tôi ăn hết một kí lô cơm mỗi bữa ăn. Ba tháng sau tôi mập hơn hồi mãn quan 6 kí lô. Bây giờ thỉnh thoảng tôi nói với bà xã tôi là ở tù ăn gì cũng ngon, muối thì ăn ngọt như đường. Bà xã tôi xí một tiếng dài thòng.*

Sau đó trại này chuyển về Vĩnh Phú, trại Tân Lập, thuộc công an quản lý. Tròn một tháng, Trung Quốc đánh qua VN. Tôi nghĩ mình bây giờ còn ngon hơn lính kiểng nhiều, nghĩa là khi có giặc lại được đổi về nơi an toàn, khỏi phải đánh giặc. Tại trại này, tôi nằm ngủ cạnh anh Huỳnh Công Nghị, quê Bình Định, vô tù vì tội “xây dựng nông thôn”, còn tôi vô tù vì tội làm Thiếu tá thiệt. (Riêng tôi, Hồ Ngọc Nhuận, thì trước năm 1971 có lúc làm Chủ tịch Ủy ban Xây dựng Nông thôn Hạ nghị viện Sài Gòn. Chủ tịch của HNN). Sở dĩ nói có thiệt có giả là có căn như vậy : Số là tôi từ Long Giao được chuyển về Tam Hiệp, Biên Hòa, để chờ “viễn du” đất Bắc. Tôi gặp được đủ mặt, quen lạ tùm lum, kể như “San Hậu thứ ba trọn bộ”. Lán tôi ở có thằng Phong, độ 20 tuổi đầu, có lẽ xuất xứ từ nhà thương Biên Hòa (Ý muốn nói về bệnh viện chuyên trị bệnh tâm thần ở Biên Hòa, thường được gọi tắt là Nhà thương Biên Hòa, hay Nhà thương điên. HNN chú thích). Sau này biết được anh ta đi rong bên ngoài và lấy áo nhà binh ở vệ đường mặc vào. Bộ đội gặp anh ta mặc quần tiêu và cái áo nhà binh trên cầu vai mang ba bông mai vàng. Trong thời buổi vàng thau lẫn lộn, còn bộ đội từ Bắc vô Nam thôi thì “tiền trăm hậu tấu”... Thế là Phong được vào trại Tam Hiệp (Suối Máu). Phong viết không được lý lịch trích ngang, nhà cửa không biết ở đâu. Tức không có lý lịch, nên được ghép là CIA giả điên. Có lần chúng tôi hỏi nó, chớ bây giờ trại thả, mày về nhà không ? Nó trả lời : tôi không về. Hỏi tại sao thì nó nói là nhà xa lắm. Đặc biệt, mỗi khi gặp nó và biểu “Phong, cởi quần ra” là nó tuột liền. Không cần biết ai biểu và cũng không hề e lệ. Cán bộ trại le lưỡi... Còn một việc nữa là có anh tên Nam, người hơi thấp, có da có thịt, là người đi cày cùng tôi ở trại Tân Lập. Nam là trung sĩ Không quân nhưng vì muốn lấy được vợ nên mỗi lần về nhà là đeo lon đại úy. Khi “đứt phim”, Nam khai Trung sĩ nhưng chòm xóm không tin. Do đó Nam mới “vô hộp”. Ta biết là khi Nam Tào vô sổ rồi thì phải chịu chớ không dễ dính chính như khi các báo in sai. Càng dính chính càng bị nghi ngờ là làm việc cho CIA vào đây để lấy tin. Cũng tại trại này, tôi lại gặp Trung sĩ I Trùng, độ 30 tuổi, quê Bình Chánh, làm trưởng ban văn thư Ty cảnh sát Quận 8. Đúng là

chức vụ “ quét bureau, xô cửa sổ, đổ tàn thuốc ” rồi ra bàn ngoài ngòi đó...
Mấy chuyện kể trên đây là để chứng minh câu : ăn lương lính mà ở tù cai là có
thật. Đêm nằm nghĩ mình có ăn có chịu, còn mấy thằng này thiệt tội !

Đây nói về anh Huỳnh Công Nghị. Anh này giữ bầy trâu, có than với tôi : có
con trâu “ đực cổ ” không trị được, chạy nhảy lung tung, nhứt là khi “ anh ta ”
gặp trâu cái và các con trâu đực khác. Tôi bèn chỉ cho anh Nghị : đoạn một
khúc gỗ (dài 6 tấc, đường kính 3 tấc), dùng sợi dây luộc cột chính giữa khúc gỗ
rồi treo lên cổ con trâu, thông khúc gỗ tới đầu gối của nó. Con trâu mang khúc
gỗ như vậy chạy không được. Càng chạy nhanh khúc gỗ càng đánh mạnh vào
đầu gối. Nghị làm theo và làm cho cả bầy trâu. Hai ngày sau, Quản giáo dẫn
đội đi lao động. Nghị thả trâu. Quản giáo và cả đội cười rần, vì thấy bầy trâu 8
con khi ra khỏi chuồng chúng đi chậm rãi... hàng một y như học trò lễ cúng
đình. Quản giáo hỏi, Nghị chỉ tôi. Thế là tôi cũng ra giữ trâu và đi cày như
Nghị. Nhờ vậy mà có đồng ra đồng vô, sống được, và nhớ lời Thiều tá Tấn nói :
người có tài thì được người ta dùng (nghề chăn trâu và cày bừa là nghề cũ của
tôi, quá nhuần nhuyễn...). Nhớ lại lúc còn nhỏ, tôi đi học chữ nho, ông thầy Bảy
Bảng thường nói : hễ tổ nào thì theo tổ đó. Tổ phú quý thì hành hồ phú quý, còn
tổ giữ trâu rồi cũng giữ trâu. Thời gian cứ vậy mà trôi đi. Rồi dùng một cái có
lệnh chuyển về Nam. Thôi thì những đồ tể nhuần, như mùng mền, quần áo,
v.v... mang ra đổi lén cho dân để lấy gà mà ăn. Vui như Tết.

– Về Nam : Z 30 D.

Trời nắng chang chang, chúng tôi sắp hàng ngòi giữa sân trại. Có một ông
Thiều tá công an, tuổi độ 60, ra lệnh : tụi bây mở còng khản trương để con
người ta vô nhà nghỉ. Nghe được giọng nói miền Nam chánh gốc, tôi cảm thấy
như mình gặp lại cố nhân. Sau này biết là ông Năm Toàn, gốc Bình Dương. Ông
ra Bắc, sau về Nam, có dự trận Bình Giã, mới cưới vợ nguyên là góa phụ của
một Trung sĩ Biệt động quân, không con. Một năm sau, vợ chết và rồi một ông
Đại úy thay ông coi trại. Ông Năm Toàn ra ngoài vòng rào trại ở, với cái nhà

khiêm nhường, nóc và vách chung quanh bằng lá bàng (cọ). Ông cũng mặc áo vá bao cát sau lưng, cuốc đất trồng khoai, trồng mì hầu tiếp tục cuộc sống còn lại. Có lần đi lao động ngang qua nhà, thấy ông đang cuốc đất, chúng tôi hỏi : “ Ông Năm ơi, chừng nào chúng tôi được về ? ”. Trả lời : “ Máy chủ hỏi, nếu tôi nói ra thì bây giờ lại có thằng Nam Kỳ nói láo nữa hay sao ? ”. Tôi không biết ông Năm muốn nói gì...

Trên đây là cuộc sống của tôi sau ngày bẻ dĩa. Được cái rằng Trời cho người ta có sẵn cái tính tùy cảnh mà an, nên khi mới vào trại cũng có ý trông về sớm, nhưng rồi dần dà ở mãi. Và cho tới ngày mà mình không có ý nghĩ trông về nữa là được tha ra khỏi trại.

– V/v sống ở đảo,

Đến đảo Poulo Bidong vài ngày, tôi chưa biết Ất Giáp gì thì những người tới trước, nhứt là người có thân nhân ở nước ngoài bày vẽ là nên xin đi Mỹ. Tôi thì im lặng chờ xem. Đêm nằm nghĩ thấy việc này thiệt kỳ, rồi nhớ lại lúc mới học lên seconde moderne (lớp mười ngày nay, BT), thấy họ đi Tây học mình ham quá mà không đi được... Rồi dần dà vài tuần sau tôi thấy thầy chùa cũng đòi đi Mỹ để tu. Do đó tôi gồng mình mà xin đi Mỹ. Còn về cuộc sống ở đảo lại còn quái lạ : người ta xấp nhau ăn ở như thiệt. Dù rằng cô nhân viên Phủ Cao ủy có khuyên các cô gái : nếu có yêu nhau thì chỉ dùng từ cần cở trở lên thôi, nhưng nào có ai nghe đâu. Thiệt là biểu anh nương nương thì anh làm thẳng bữa.... Trong bụng tôi nói : hay là ngày mai Trời sập ?

– V/v sống ở Mỹ :

– Việc làm : *Sau 3 tuần tới Mỹ, nhân viên Hội Catholic dắt tôi vô làm tại một hãng Mỹ. Hãng chuyên làm cái hộp bằng giấy để đựng đồ ăn, thức uống, thuốc tây, và hàm bà lằng đủ thứ. Còn cái ruột thì do hãng khác sản xuất bỏ vô. Vài ngày sau tôi hỏi thằng Mỹ đen làm chung với tôi là nhà máy cách hãng này bao xa. Nó trả lời : ba chục phút. Tôi nghĩ bụng mình hỏi mà nó trả lời trót*

hưót. Nhưng cho tới nay nếu ai hỏi thì tôi cũng trả lời như vậy. Mỗi năm hãng có mướn toán chuyên viên đến tại hãng để khám lỗi tai ngộ hầu có biện pháp chạy chữa kịp thời. Lý do : máy móc chạy ồn nên sợ tai bị điếc. Có lần khám xong tại Mỹ hỏi, tôi trả lời là tôi mong bị điếc. Hỏi tại sao, tôi cho biết là nếu tai mình tốt, mình sẽ nghe lời căn nhắc của vợ con, không ngủ được. Tại Mỹ ô lên cười và nói : You're right, you're right. Thế là Đông Tây gặp nhau ở chỗ này. Anh có nhớ ông Hạ sĩ Hăng điếc không, ông ta đóng bia cho xạ trường đó ? Ông mập tròn vo. Và thêm thằng Cửa điếc cùng trung đội 3 với tôi. Nó mập ú. Khóa 14, nhớ đặc biệt là chưa gắn Alpha mà mình về phép ăn Tết. Tốp này đi thì một tốp khác “ nhảy dù ”. Vì vậy sau Tết, Trung úy Kỳ tập hợp đại đội chửi cho một mách. Tan hàng, thằng Cửa khêu vai tôi, hỏi : Có phải ông Trung úy chúc Tết mình không ? Tôi gật đầu mà trong bụng thì nói : thằng này mập là phải.

Ở Mỹ hề có đi làm là có tiền hưu, công sở hay hãng xưởng cũng vậy. Bây giờ tôi cũng lãnh hưu. Thật không ngờ mình làm việc ở VN mà lại lãnh hưu do Mỹ phát. Đúng là, nếu nói theo cán bộ ngoài Bắc, Trời làm mất thì bắt Đất phải đền. Còn trong Nam là thầy pháp ăn bắt thầy chùa chịu.

- *V/v ở* : Tôi về sống tại Memphis, không có vấn đề lựa chọn... Thành phố này thuộc một tiểu bang nghèo của Mỹ. Tại Mỹ dân nghèo sống ở trung tâm thành phố, người giàu ra ngoài ven biển. Hai vợ chồng dưới năm chục ngàn là nghèo, nhưng trên năm chục ngàn là số đông. Muốn chọn nhà ở cũng phải chọn tùy khu vực : an ninh, bán an ninh (xôi đậu), và không an ninh. Nếu ở vùng này ắt từ chết tới bị thương... Tôi có đến thăm anh Tâm, tại Washington D.C. gần hai năm qua. Dinh thự, đất đai, nhà cửa cũng như ở Memphis... Memphis dân số độ bảy trăm ngàn người mà thành phố có đường kính khoảng 45km... Đây nói về việc mua hàng hóa mang về nhà, ít hôm, một tháng hoặc lâu hơn nữa, rồi đem ra tiệm trả lấy tiền lại, kèm hóa đơn... Có một lần tôi mua đồ phụ tùng xe hơi, rồi lại mang trả. Hỏi tại sao, tôi nói là tôi không xài đồ made in China. Họ

cũng cho trả lại, không một chút xíu gì thối mắc.... Đúng như lời : “ Mấy lần đi sứ đến Tây Kinh, thấy việc Âu Châu phải giựt mình ”¹ ...

Nói thì nói vậy chớ tôi không ham ở Mỹ vì nó giới hạn quá nhiều về việc ăn uống của mình... Ở đây, giới trí thức, kỹ sư, bác sĩ, mấy ông lớn... không uống rượu, không hút thuốc lá, giảm uống nước ngọt. Nhìn tới nhìn lui chỉ có đám cu li là làm lảng. Casino thì mở tùm lum... Còn nếu khám bệnh, bác sĩ sẽ dặn : không ăn mỡ heo, ăn ít thịt bò, hột gà chỉ ăn tròng trắng... Các nơi công cộng : không hút thuốc... Do đó ở Mỹ việc ăn uống không cảm thấy ngon như ở quê tôi, Thạnh Phú Bến Tre, bệnh là Thổ thư, chết là do Bà bắt...

Anh Nhuận, tôi qua đây một mình ên, ăn mặn ngủ chay, lo đi làm kiếm tiền bảo lãnh vợ con. Tôi nghĩ trước đây ham đi Tây học mà không được, bây giờ tạm cho các con tôi sang Mỹ vậy. Thôi thì mè trắng hay mè đen gì cũng được, miễn bắt được chuột là đạt yêu cầu.

Tôi qua đây là xóa bài làm lại, những người thân thương của tôi, bạn bè của tôi cũng như cái hiểu biết và những kỷ niệm của tôi đành gởi lại quê nhà. Đi làm, rồi về nhà ngủ một mình đâm ra nghĩ ngợi lung tung.

*– **Nghĩ lại một phần đời đã qua**, tôi lấy làm toại nguyện, vì mình là chứng nhân những biến cố lịch sử chẳng những trong nước mà còn cả thế giới. Ngoài ra, tôi cũng đã diễn được, và y như thiệt, những vai tuồng thuộc các thành phần xã hội. Giờ đây tôi thấy mình quá lắm cảm, chẳng hạn như tôi chỉ thích hát bội hay cải lương thôi. Có lẽ vì vấn đề ăn mặc. Còn bây giờ thì các thợ ca ăn mặc quá hở hang, kiểu này, kiểu nọ, và còn thêm kiểu áo dài “ cạo gió ”... Mình nhớ trước đây, bà Nhu chỉ có ra kiểu ló cổ một chút là thiên hạ ồn lên rồi. Phải chăng bà Nhu đã đi trước bánh xe lịch sử quay ?...*

¹ Ý thơ Phan Thanh Giản : “ Từ ngày đi sứ đến Tây Kinh... ” (chú thích của biên tập)

– **Nhớ lại hồi ở Thác Bà**, cứ vài tháng thì có cán bộ (có lẽ nhân viên Ban Tuyên huấn) đến giảng bài về thuyết cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa. Thầy giảng nói : khi bánh xe lịch sử thế giới quay thì không ai có thể ngăn cản được. Như vậy, Việt Nam mình cũng nằm trong bánh xe này, ắt rồi cũng phải quay theo ; nhưng quay như thế nào và lúc nào thì không ai biết. Duy có điều tôi biết là tôi không phải diễn tán tuồng nào nữa. Có lẽ “ quất ” rồi...

– **Nhớ lại khi tôi được tha về nhà** thì vợ con tôi hân hoan đón tôi vào nhà. – “ Très bien ” cho bà xã, – gọi là ghi ơn. Tôi cũng biết nhiều người về đến nhà thì thuyền xưa đã rời bến cũ từ khuya, hoặc yếu đau, bệnh tật, hoặc không còn về nữa. Hú hồn cho tôi, vợ con tôi còn nguyên và tôi vẫn còn khỏe mạnh. Có lẽ Thần chăn trâu phò hộ tôi...

Về phần tôi, 13 năm lính, 9 năm tù. Tạm cho rằng nợ nần đã trả xong. Tuổi đời đã thất thập. Người Mỹ có câu : Retirement is the first step to cemetery * . Trước đây đi lính theo lệnh gọi, tôi tưởng là làm cho tròn bổn phận của người dân, té ra bây giờ nó “ méo ” sửa không được. Thiệt là : La vérité, au delà des Pyrénées, est... différente... **

...Tôi có cái tật, những điều lắm cảm thì nhớ mà học hành thì không nhét vô đầu được nữa. Thôi, nếu cho đủ thì nó đủ vậy. Ngoài ra tôi cũng đã viết được lý lịch trích ngang rồi... Bình sanh tôi không biết nói dối, thấy sao, nghĩ sao, thì nói vậy. Thơ này anh đọc qua, phần nào được thì cho điểm (point), phần nào không vừa ý thì kể như không có... Vài lời tin anh rõ. Và kính chúc anh chị và các cháu được mạnh khỏe, hạnh phúc./.

Lê Văn Phùng

453 N. White Station Rd

* Nghỉ hưu là bước đầu trên đoạn đường đưa tới nghĩa địa.

** Bên này dãy núi Pyrénées là chân lý, bên kia khác.

Memphis, TN 38117, USA

Lại từ Hoa Kỳ

Anh Nhuận thân mến,

Tôi về đến nhà chiều ngày 17-2... Trước khi viết thư này, tôi đã trực tiếp nói chuyện với GS Tôn Thất Thiện (TTT) để xác quyết lại những điều tôi đã nói với anh trong bữa ăn cơm trưa vừa qua :

I.– V/v gặp Đại sứ Bunker.

1/ Ông Lý Quý Chung không hề có mặt trong cuộc hội kiến với ông ĐS Bunker. Nếu cần có cố vấn tin cậy, chắc chắn người đó không phải là Lý Quý Chung, mà chỉ có thể là GS Vũ Văn Mẫu, hoặc Nguyễn Hữu Chung.

2/ Giáo sư TTT được (ĐT) mời tham dự với tư cách người thông dịch. Sau những lời chào hỏi xã giao ĐS Bunker xin phép Đại Tướng (ĐT) Dương Văn Minh để đề nghị GS TTT không dự họp.

3/ Trong buổi họp thân hẹp với một số cộng tác viên ngay sau đó, ĐT cho biết ông ĐS đã ngỡ ý yêu cầu ĐT tiếp tục ứng cử (Tổng thống) và Tòa Đại sứ (Hoa Kỳ) sẽ giúp quỹ tranh cử của ĐT một ngân khoản lới 200 triệu đồng VN tương đương 2 triệu US theo hời suất lúc bấy giờ. Đại tướng đã từ chối đề nghị giúp đỡ này vì cuộc bầu cử sắp tới không công bằng. Và có bằng chứng cụ thể, được phổ biến trong ngày rút đơn ứng cử TT, cho thấy Phủ Tổng Thống đã chỉ thị các Tỉnh Trưởng, hầu hết là quân nhân tại chức, phương thức gian lận. Phủ Tổng thống không hề phủ nhận tính cách xác thực của tài liệu.

II.– Về việc gặp ông Trí Quang._

Sau khi lưỡng viện Quốc Hội thông qua nghị quyết lần thứ nhất yêu cầu TT Trần Văn Hương trao quyền lãnh đạo quốc gia cho một nhân vật có uy tín để đem lại hòa bình cho đất nước, một hôm ĐT gọi tôi đi gặp Thượng tọa Trí Quang để xếp đặt cuộc gặp gỡ giữa hai nhân vật này vào chiều ngày hôm sau. Khi đưa tôi ra khỏi phòng riêng, không hiểu nghĩ gì, Thượng tọa nói với tôi : tình hình này nay đã hết cứu vãn rồi, tôi chỉ mong và tin tưởng rằng ĐT sẽ giúp cho Sài Gòn bớt đổ máu... Cuộc gặp đã diễn ra như đã dự trù. Báo chí không hề được thông báo trước, và tối hôm đó ĐT tiếp Thượng tọa tại tư dinh. Sáng hôm sau, một thông cáo có chữ ký của Thượng tọa Trí Quang, với tư cách cá nhân, ủng hộ giải pháp ĐT Dương Văn Minh nắm chánh quyền. Không có một nhân vật thứ ba nào có mặt trong hai cuộc gặp gỡ giữa hai nhân vật này.

III.- Về việc thả tù chánh trị

Sau khi ông Trần Văn Hương trở thành Tổng Thống, ĐT trao tôi một danh thiếp của ĐT, trên đó có viết tên Châu Tâm Luân, Trần Thúc Linh, Huỳnh Tấn Mẫm... và vài nhân vật khác đang bị giam cầm mà tôi không nhớ rõ tên, bảo tôi đi gặp TT NKB (Thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình .- Chủ tịch của BT) chuyển lời yêu cầu thả. TT NKB nói sẽ thả hết. Riêng HTM, TT NKB nói không biết anh này đang ở đâu.

Lối 10 giờ 30 sáng ngày 29-4-1975, ĐT DVM bảo tôi liên lạc với ông Bùi Văn Nhu +, người có chức vụ cao nhất tại BTL/CSQG (Bộ Tư Lệnh Cảnh sát Quốc gia) có mặt tại Sài Gòn lúc bảy giờ, yêu cầu cho HTM đến số 3 Trần Quý Cáp giao lại cho tôi. Chỉ lối hơn nửa giờ sau tôi tiếp nhận HTM do chính ông BVN chở đến. (+ Bùi Văn Nhu : không phải Lý Văn Sen như tôi đã nói sai với HTM. Nhờ anh nói lại với HTM điều này. Tôi gọi cell phone anh Mẫm sáng nay (lối gần 8 giờ tối ngày 19/2, giờ VN, nhưng không được gặp).

Thăm anh chị và gia đình luôn được bình an và vui mạnh.

Fort Smith, AR, ngày 19-2-06

Trịnh Bá Lộc

Anh Trịnh Bá Lộc, cựu Thiếu tá, là một sĩ quan tùy viên thân tín của Đại Tướng Dương Văn Minh. Trong thời gian trước ngày 30-4-1975 tôi trốn nơi ông Minh, ở tại nhà anh thiếu tá Hoa Hải Đường, cũng là ở sát vách nhà anh Trịnh Bá Lộc, nơi anh Huỳnh Tấn Mẫm đã từng có lần đến tỵ nạn.

Trung tá Đầu, Thiếu tá Đường, Thiếu tá Lộc là ba sĩ quan thân cận nhất với ĐT Dương Văn Minh trong nhiều thời kỳ. Cũng là những người thông thuộc nhất những ai đã từng cộng tác với ĐT Dương Văn Minh, qua nhiều thời kỳ. Mỗi người mỗi việc, mỗi người mỗi nét, nhưng nét chung nhất của cả ba người là luôn đặt Danh Dự và Tổ Quốc lên trên hết, theo đúng truyền thống giáo dục đúng đắn của những người lính. Riêng anh Trịnh Bá Lộc, lại là người đã có mặt sớm nhất để cùng với gia đình chị Xuân Mai, con gái ĐT Dương Văn Minh, và anh Nguyễn Hữu Chung, anh Nguyễn Trọng Nho (một cựu dân biểu VNCH, hiện là thẩm phán ở một thành phố của bang California) và vài người khác, chung lo cho tang lễ của Đại tướng...

Vừa qua anh có dịp về lại thăm quê, sau hơn ba thập kỷ vắng mặt. Thời gian anh ở Sài Gòn thật ngắn, anh lại muốn đi khắp cả ba miền đất nước. Vì vậy cả hai lần chúng tôi gặp nhau, tuy không phải là ngắn, nhưng cũng không sao nói hết được tình dài. Và vì vậy mà anh mới có bức thư kể trên cho tôi, chỉ hai ngày sau khi anh trở lại trên đất Mỹ. Và tôi tin chắc chúng tôi sẽ còn nhiều dịp xác quyết với nhau về nhiều việc của tình hình thời cuộc Sài Gòn tính đến ngày 30-4-1975...

Từ Cần Thơ

Trong chương VI của quyển sách này, nói về những người “ tù cũ, tù mới ”, có đoạn tôi viết : “ *Sau 30-4-75 lãnh đạo Cách mạng ở Thành phố cho tôi một đặc ân : lên danh sách đề nghị cho một số người có dính dáng đến các hoạt động của tôi khỏi đi học tập cải tạo tập trung. Danh sách khá dài của tôi đã bị lọt bớt khá đông* ”... Trong đoạn viết đó tôi đã cố tình nhắc đến những người mà tôi gọi là đã bị “ lọt sổ ”, như các anh Trần Văn Tuyên, Hồng Sơn Đông, Phan Thiệp, và nhiều người khác, những người mà tôi rất mến – và tôi nghĩ các anh ấy cũng mến tôi –, coi như một lời tạ tội, bởi như vậy là tôi đã bắt lặc, coi như đã bỏ mặc để các anh đi tù. Tôi cũng có nhắc đến vài người “ không lọt sổ ” đã gặp tôi hoặc làm việc một thời gian ngắn với tôi sau ngày 30-4-75. Nhưng vài người đó về sau cũng đã ra đi, coi như việc đề nghị của tôi cũng không có gì là quan trọng, bởi các anh đã lựa chọn không ở lại... Tóm lại, với việc cố ý nhắc đến hai nhóm người như vừa kể, nhóm đã “ lọt sổ ” và nhóm đã “ bỏ đi ”, thì cái đề nghị khỏi đi cải tạo của tôi chỉ là một sự thú nhận thất bại mà thôi... Còn về những người được miễn cải tạo tập trung đang ở lại đất nước, tôi tuyệt đối không nói đến một ai, trừ trường hợp duy nhất của anh Dương Văn Ba vì anh suýt bị lọt sổ...

Thế nhưng, vừa qua lại có người viết : “ ... *Nhưng chiều 12-6-1975 tôi nhận được một phong thư giao tận nhà, ... thông báo tôi được hoãn học tập tập trung, người ký tên giấy tạm hoãn là ông Cao Đăng Chiếm, Phó Chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài gòn... Quả tình lúc đó tôi chỉ nghĩ chế độ mới trực tiếp cứu xét từng trường hợp, căn cứ vào đường hướng hoạt động của mỗi cá nhân trong thời gian chống Mỹ và chế độ Thiệu. Sau này khi đọc bản thảo Hồi ký của anh Hồ Ngọc Nhuận mới hay ra rằng danh sách những người trong quốc hội Sài gòn được miễn học tập tập trung là do chính anh lập ra “ theo yêu cầu của lãnh đạo Cách mạng Thành phố ”. Đến bây giờ tôi vẫn chưa biết rõ chuyện ấy thế nào, có tất cả bao nhiêu người được miễn* ”...(trích **Hồi Ký Không Tên** của tác giả Lý Quý Chung, ấn bản I, xuất bản tháng 12-2004, trang 428-429).

Mặc dù trong ấn bản II, *Hồi Ký Không Tên*, cũng xuất bản tháng 12-2004, ở trang 427-428 tác giả Lý Quý Chung đã không nói đến việc “ đọc bản thảo ” sách của tôi nữa và cũng không nói đến “ danh sách ” do tôi lập mà ông viết, trong ngoặc kép, là “ *theo yêu cầu của lãnh đạo Cách Mạng Thành Phố* ” thay vì như tôi viết là “ *...lãnh đạo Cách Mạng ở Thành Phố cho tôi một đặc ân* ”, tôi vẫn phải cảm ơn ông. Bởi trước sau, trong cả hai ấn bản, ông vẫn viết : “ *Đến bây giờ* ”, ông “ *vẫn chưa biết rõ chuyện ấy thế nào, có tất cả bao nhiêu người được miễn* ”..., nghĩa là ông vẫn xác nhận tôi không hề nói đến những người được miễn cải tạo tập trung mà tôi đã lên danh sách để xin với cách mạng, và đương nhiên là không hề nói đến tên ông. Dù vậy ông vẫn thấy cần phải cần thận nhấn mạnh, trong cả hai ấn bản, rằng ông “ *... chỉ nghĩ chế độ mới trực tiếp cứu xét từng trường hợp, căn cứ vào đường hướng hoạt động của mỗi cá nhân trong thời gian chống Mỹ và chế độ Thiệu* ”...

Ngược lại, khi tôi nhắc đến những người, nhiều người, đã phải đi học tập cải tạo tập trung, đặc biệt những người đã từng gắn bó với tôi, thì tôi đã bỏ sót rất nhiều người, bởi thật tình tôi không tài nào kể ra cho hết... Như trường hợp của ông bạn già vừa gửi cho tôi lá thư sau đây :

Cần Thơ, ngày.....

Anh Nhuận thân mến,

Từ hôm Nhuận và Đức xuống Cần Thơ thăm tôi, tôi rất xúc động và vui mừng lắm, vì gần 40 năm mới gặp lại nhau. Tôi muốn được tâm sự nhiều nhưng không nói được. Thời gian qua tôi không gặp may mắn nên khổ sở quá nhiều, vì hoàn cảnh có miệng mà nói không ai nghe... Nay được biết Nhuận, Đức, Minh... trong Khóik Xã hội vẫn mạnh khoẻ mình mừng lắm,... xin chúc các bạn và gia đình luôn luôn thành công trong mọi lãnh vực, và cuộc sống được mọi điều như ý. Sau đây tôi xin tâm sự với Nhuận về những việc đã xảy đến với tôi, như sau :

Tôi sanh năm 1919, nguyên là sĩ quan chế độ cũ, đã giải ngũ từ năm 1967 vì lý do sức khỏe (tức 8 năm trước ngày giải phóng miền Nam 30/4/1975). Năm 1957, tôi có mua một thửa ruộng là 2H85, tọa lạc tại ấp Thành Phước, xã Thành Lợi, quận Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, của bà Quang Tuyết và chồng là Vệ Lâm bán cho tôi, văn tự mua bán hợp pháp, ký ngày 12/12/1957, trước bạ ngày 10/1/1958, số địa bộ mới 686, số bản đồ 139ie tờ thứ 3 Ty Điền địa Vĩnh Long, do tôi đứng tên làm chủ sở hữu. Sau khi mua xong tôi cải tạo thành vườn trồng cây ăn trái và chăn nuôi. Trên miếng vườn còn có một dãy phố trệt bán kiên cố, gồm 24 căn 4m x 16m, và một căn nhà mới cất bán kiên cố để ở làm vườn (nay là Nhà trọ số 5, không biết của ai), và một nghĩa trang gia đình mới xây dựng, có một ngôi mộ xây kiên cố của con tôi, xây cất năm 1973. Ngoài ra, tôi có mua một căn phố trệt bán kiên cố của hiệp hội “ La Cochinchine immobilière ” bán cho tôi, ở số 3 đường Pasteur, nay là Võ Thị Sáu, thành phố Cần Thơ. Văn tự mua bán do tôi đứng tên làm chủ sở hữu, có bằng khoán điền thổ số 263 xã Tân An, Châu Thành, Cần Thơ cấp ngày 1/7/1966. Sau đó tôi xin sửa chữa coi lâu để làm nơi cư trú cho gia đình.

Năm 1964 tôi được biệt phái về Bộ Nội vụ và được cử làm tỉnh trưởng Vĩnh Bình (Trà Vinh). Đến năm 1967 tôi bị đập lòi gãy một chân, xin giải ngũ, sau đó ứng cử và đắc cử vào Hạ nghị Viện VNCH nhiệm kỳ 1967-1971, cùng với anh Ngô Công Đức. Tại đây, Nhuận, Đức, Minh, tôi và nhiều anh em khác chúng ta đã thành lập Khối Xã Hội đối lập và đã tranh đấu thành công chống lại nhiều dự luật không hợp lòng dân của TT Nguyễn văn Thiệu. Đặc biệt tôi đã được Khối Xã hội đề cử và đã đắc cử Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Hạ nghị Viện trong một nhiệm kỳ. Đến hết nhiệm kỳ I, tôi và Ngô Công Đức tái tranh cử nhiệm kỳ II, 1971-1975, cũng ở đơn vị Vĩnh Bình. Vì chúng tôi ở khối đối lập nên bị chánh quyền lúc đó thẳng tay đàn áp. Đức và tôi đều thất cử. Riêng tôi bị nhân viên phòng phiếu hành hung, bắt trời đánh đập tại xã An Hội, quận Càng Long. Lý do : tôi phát hiện có sự gian lận bầu cử (phiếu bầu đã có đầy trong

thùng phiếu trước khi bắt đầu bỏ phiếu). Tòa án Vĩnh Bình bắt giam tôi một tuần lễ và phạt 50.000 đồng. Sau đó tôi về nhà làm ăn bình thường như mọi công dân khác cho đến ngày Giải phóng miền Nam 30-4-1975.

Sau ngày Cách mạng tiếp thu, theo lệnh tôi có đến trình diện Ủy ban Quân quản huyện Bình Minh, Vĩnh Long. Nơi đây cho biết tôi thuộc thành phần giải ngũ trước ngày ký hiệp định Paris 1973, khỏi phải đi cải tạo, sẽ được học tập tại chỗ khi có lệnh gọi. Tôi an tâm về nhà tiếp tục làm ăn sinh sống.

Đến ngày 23/5/1975 Ủy ban Quân quản tỉnh Cần Thơ cử cán bộ đến xét nhà lập biên bản, bắt tôi đi cải tạo với tội danh cộng tác với bộ máy nguy quyền. Hai ngày sau, tức ngày 25/05/1975, cán bộ Ủy ban Quân quản lại đến nhà (lần này tôi không có mặt), lập biên bản tạm quản lý toàn bộ phương tiện sinh hoạt của gia đình tôi, buộc vợ con tôi phải ra khỏi nhà mà chỉ cấp cho một giấy biên nhận tạm. Vợ con tôi vì vậy phải về tạm sống trên miếng đất vườn ở quận Bình Minh. Đến ngày 14/11/1975, tức khoảng 6 tháng sau ngày tôi bị cho đi cải tạo và gia đình tôi bị đuổi ra khỏi nhà ở Cần Thơ, thì Huyện đội huyện Bình Minh cùng một số binh sĩ võ trang đến vườn buộc vợ con tôi phải ra khỏi nhà mà không cho biết lý do, chỉ cấp cho một giấy giới thiệu để tìm chỗ ở khác, ký tên N.V.Đ, Huyện đội Bình Minh. Đặc biệt, sau khi buộc vợ con tôi phải ra khỏi vườn, ông còn đập phá và đào má con tôi đem xác thả xuống sông Cửu Long để ông xây cất nhà mà ông hiện đang ở.

Gia đình tôi, và riêng tôi sau khi được thả ngày 01/02/1981, đã nhiều lần khiếu nại về việc gia đình tôi đã bị đuổi ra khỏi nhà đất mà không hề có một quyết định hợp pháp, nhưng không được chánh quyền giải quyết. Đặc biệt ngày 17/01/2005 tôi lại làm đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long khiếu nại một lần nữa về việc ruộng vườn hợp pháp của tôi ở huyện Bình Minh đã bị chiếm giữ chỉ với mảnh giấy giới thiệu đi tìm chỗ ở khác của ông Huyện đội. Sau đó tôi được Phòng tiếp dân tỉnh Vĩnh Long gửi cho tôi một Phiếu hướng dẫn số 1842/HD/TD đề ngày 16/02/2005 với nội dung như sau : “ Theo quy định của

luật khiếu nại tố cáo công bố ngày 11/12/1998 và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan, Phòng tiếp dân UBND tỉnh Vĩnh Long trả lại đơn vì không có chủ trương giải quyết”. Còn về căn nhà của tôi ở Cần Thơ thì UBND thành phố Cần Thơ có gửi cho tôi một công văn số 400/UB ngày 17/4/2004, cho biết trường hợp xin trả nhà của tôi không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND Tp Cần Thơ, đồng thời thông tin thêm về chính sách cải tạo nhà ở của Nhà nước theo Quyết định số 297/CT ngày 2/10/1991 của CT/HDBT quyết định “ Từ nay UBND các cấp không xét lại việc cải tạo trước đây đúng hay sai nữa, trong trường hợp chủ sở hữu có đơn thư khiếu nại trước ngày 01/7/1991 ” ...

Nhuận thân mến,

Tôi nay đã gần 90 rồi, nợ đời chắc cũng sắp trả xong, bụi trần sắp phủi sạch, bao nhiêu phiền toái cũng sắp để lại sau lưng. Nghĩ lại thấy mình nhẹ ton, vì suốt đời cố làm điều tốt, tránh làm điều quấy. Các con tôi cũng vậy, đó là niềm an ủi lớn nhất của tôi, và tôi lại có được những người bạn hiền để tôi có thể tâm sự được. Chớ còn của cải, dù là của cải chánh đáng, tạo dựng bằng chính công sức của mình, thì rốt lại cũng không để làm gì. Chỉ thêm nặng gánh, khổ thân mình và khổ cả người thân, trong thời buổi nhiều nhưong như bấy lâu nay...

Chế độ mới bắt tôi đi tù cải tạo vì tội “ cộng tác với ngụy quyền ”. Tôi chấp nhận, nhưng tôi nghĩ ở miền Nam này ai mà không ít nhiều cộng tác với chế độ cũ, dầu chỉ là đóng thuế. Chỉ có những người bỏ ra khu hay đi ra miền Bắc thôi. Nhưng đó chỉ là thiểu số. Chớ còn đại đa số ở lại thì cũng là thân nhân hết. Lại còn che giấu, tiếp tế này nọ nữa. Không lẽ đó là cái tội, lại còn tội chống đối này nọ để bị chế độ cũ đánh đập tù đày nữa ? Phải chi biết khôn như những người gọi là nằm vùng mà nằm yên thì tốt quá. Tôi đã giải ngũ về làm dân thường 6 năm trước ngày ký kết hiệp định Paris và 8 năm trước ngày hòa bình. Chánh quyền mới ở địa phương cho tôi khỏi đi cải tạo tập trung đó là phải lẽ. Nhưng sao lại thay đổi, bắt tôi đi ? Hay vì ông Trời mỗi nơi mỗi khác, và vì có

ông Trời chỗ khác tới ? Vậy thì có khác gì những ông Trời từ những phương Trời khác trong nhiều thời khác tới đây đâu !

Gia sản tôi bị lấy tôi không tiếc, chỉ tiếc sao người ta làm khuất tất quá, không có luật pháp gì hết. Lấy vườn, lấy đất của tôi, lại còn đào mả con tôi thả xác xuống sông, mà chỉ có miếng giấy gọi là giới thiệu để đi chỗ khác. Nhà tôi cũng bị lấy với một miếng giấy biên nhận tạm... Tôi xin trả lại thì trả lời đầu đúng hay sai cũng không xét... Tôi thiết nghĩ hề gọi là chánh quyền thì phải có luật pháp. Và có luật pháp thì có đúng sai theo luật và khi sai thì phải sửa. Tôi cho rằng ngày nào người cầm quyền còn chủ trương đúng hay sai cũng không xét, thì không thể gọi đó là một chánh quyền, thì không thể có một Nhà nước pháp quyền như hằng tuyên bố, thì nước ta sẽ tiếp tục không yên, dân ta còn tiếp tục khổ.

Tôi xin có mấy lời tâm sự với Nhuận như vậy và chỉ biết tâm sự với Nhuận mà thôi.

Nguyễn Văn Thanh

53 Nguyễn Trãi, Phường An Hội

Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Từ Sài Gòn - Thành phố Hồ chí Minh

Lại một bức thư khác, đến từ cách nhà tôi chừng năm phút thả bộ, từ đường Trần Quốc Toản, Quận 3 . Thư viết, trích tóm tắt :

“ Thưa anh Mười,

Em nay đã nghỉ làm ở Phòng Thể dục Thể thao Quận 1, để ra làm ăn với vợ em... Nhưng vẫn ở số 98A nơi góc đường Trần Quốc Toản - Nam Kỳ Khởi

Nghĩa, là căn nhà phụ của ngôi biệt thự của ba má em mang số 189 Nam Kỳ Khởi Nghĩa...

...Tuy vẫn ở đó nhưng không lúc nào được yên, gần đây cũng vậy, nên em mới có thư này cho anh Mười...

...Ngôi nhà 189 NKKN của ba má em là Nguyễn Khắc Cửu, Nguyễn Thị Phi, ở góc đường NKKN - Trần Quốc Toàn (ở chỗ ngã ba có công rào chắn ngang cấm lưu thông trong nhiều năm và gần đây mới được giải tỏa), đã bị Nhà nước quản lý, với lý do là “ nhà vắng chủ ” và “ cho thuê ”, rồi giao cho Ban Tài chính Quản trị Trung ương Đảng, (T78), sử dụng cho tới nay...

... Như anh Mười đã biết, ba má em đi Pháp năm 1974 là để chữa bệnh và thăm các em em đang du học chớ đâu có bỏ nhà. Và nhà đó là “ nhà chủ đi vắng ” chớ đâu phải “ nhà vắng chủ ”. Như anh Mười cũng biết, khi ba má em đi Pháp chữa bệnh thì còn em là con trưởng nam ở nhà, có chung tờ khai gia đình, có bản phận trông nom gìn giữ nhà. Và như anh Mười cũng biết, nhà em như vậy thì đâu phải là nhà cho thuê !... Em đã nhiều năm khiếu nại khắp nơi nhưng tới nay vẫn không được cứu xét giải quyết... Và gia đình vợ con em vẫn phải xuống ở căn nhà phụ mở ngõ ra đường Trần Quốc Toàn, với số nhà 98... Nhưng ở cũng không yên, vì luôn bị người có thế lực áp đảo lấn lướt, và lấn chiếm luôn gần hết căn nhà phụ, chỉ chừa cho gia đình em một phòng nhỏ duy nhất... Em xin kể...

...Nhưng gần đây, nhân vụ giải tỏa mở rộng đường NKKN, (đường Công Lý cũ) với việc di dời và làm mới hàng rào ngôi nhà chánh 198 NKKN, người đã được cho đến ở căn nhà phụ số 98 TQT chung với em, là người làm tạp dịch cho T78, đã được chánh thức cho nhập hộ khẩu về đây, mặc dầu từ lâu đã có nhà do Nhà nước cấp chỗ khác. Hơn thế, người này còn nhiều lần có hành vi bạo ngược, phá phách nhằm làm cho gia đình em không thể ở yên. Họ còn chạy với sở Điện lực TP đổi tên trên công-tơ điện, đã có từ nhiều chục năm qua, là tên

của má em, qua tên của họ. Em đã khiếu nại nhiều lần, nhiều tháng nhưng không ai giải quyết cũng không trả lời... Quá bức xúc, em đã chạy đến nhờ anh Mười giới thiệu đến MTTQ nhờ giúp đỡ, và nơi đây cũng đã sốt sắng lắng nghe. Nhưng đến nay nhiều tháng đã trôi qua mà chánh quyền vẫn không có hồi âm... Vì vậy.....

TP Hồ chí Minh, ngày 18/9/2005

Nguyễn Khắc Thuận

Thay lời kết

Tôi ghi lại mấy bức thư trên đây là để nói về những vui buồn của những người bạn cũ hơn ba mươi năm mới gặp lại. Chớ không có ý nói về tài sản, nhà cửa... Nhưng hình như đó lại là chuyện buồn vui chung nhất, nói hay không nói ra, của kẻ ở người đi, mỗi người một cảnh, đều khắp trên mảnh đất miền Nam này, từ ba chục năm qua... Như anh Trịnh Bá Lộc, ở ngõ số 3 Trần Quý Cáp, nay là đường Võ Văn Tần, có cha mẹ già ở lại Sài Gòn cũng không kịp mang nồi com đang nấu ra khỏi nhà ngay trong những ngày đầu sau “ giải phóng ”.

Những ai ở lứa tuổi tôi, và từng học sử, đều biết lịch sử các cuộc cách mạng trên thế giới nó như thế nào. Và không chỉ có cách mạng, mà hầu hết các cuộc thay bậc đổi ngôi, thay vua đổi chúa, thường là những “ cuộc bể dâu ” khó lường. Ở đâu cũng vậy... Còn nói chi đến cuộc cách mạng 1789 ở Pháp, đặc biệt dưới thời “ Khủng bố Đỏ ” hay “ Đại khủng bố ” thì, ôi thôi, thật là khủng khiếp. Chỉ xin nhắc lại sơ qua vài sự kiện :

Năm 1792, ngày 17 tháng 8 : lệnh cho các tu sĩ Công giáo phải rời bỏ các nhà dòng, coi như bị đuổi hẳn ra đường vì không biết đi đâu, ở đâu ; rồi những ngày Tháng Chín nổi tiếng với những cuộc tàn sát đẫm máu ở Paris, với lệnh buộc các tu sĩ và hàng giáo phẩm Công giáo phải tuyên thệ trung thành với tổ

quốc, gọi là “ lời thề Tự do - Bình đẳng ”... Năm 1793, ngày 21 tháng Giêng, vua Louis thứ XVI lên máy chém ; ngày 10 tháng Năm tới phiên công nương Elisabeth, em gái nhà vua ; ngày 12, Robespierre thiết lập việc tôn thờ “ Thần Tối Thượng ” ; ngày 21 Prairial, (tháng thứ 9 của lịch Cộng Hòa), tức ngày 10 tháng Sáu năm 1793, ra đời luật bãi bỏ sự cần thiết phải có điều tra sơ khởi, nhân chứng, luật sư... đối với những người bị tình nghi ; ngày 16 tháng 10 hoàng hậu Marie-Antoinette lên máy chém ; ngày 07 tháng 11, việc hành đạo Công giáo bị cấm trên toàn nước Pháp, một nước Pháp luôn được gọi là Trường nữ của Giáo hội Công giáo tại châu Âu. Lễ tôn vinh nữ thần Lý Trí, dưới lốt một nữ diễn viên sân khấu, được tổ chức long trọng tại nhà thờ Đức Bà Paris ... Một nhà sử học nữ Pháp, Michèle Delignac, viết : “ *Những nhà tù chật nít ; những cuộc hành quyết mỗi ngày dọn chỗ cho những người mới tới ; từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 7 năm 1794, chín mươi chín nạn nhân phải lên đoạn đầu đài, chỉ tính riêng ngày chủ nhật là ba mươi tám người* ”... Rồi ngày thứ Năm 17 tháng 7 năm 1794, mười sáu nữ tu Dòng kín Carmel, cùng với một số người khác, tổng cộng 54 người, đã bị tuyên án tử hình và hành quyết trong vòng 24 giờ. Có tác giả, như linh mục Bruno, cho đây là một sự dâng hiến trọn vẹn cho sự bình an của tổ quốc và cho sự hòa giải giữa con người. Và sự dâng hiến này là không uổng, bởi, chỉ 10 ngày sau, ngày 9 Thermidor, tức ngày 27 tháng 7 năm 1794, Robespierre bị lật đổ để lên máy chém ngày hôm sau và Đại Khủng Bố chấm dứt...

Tôi không dám nói những nạn nhân kia hay những nạn nhân này đã hy sinh để dâng hiến cho hòa bình nhân loại hay hòa giải giữa con người... vì vượt ngoài tầm với của mình. Nhưng theo tôi biết thì không có triều đại chế độ nào, từ Đông Tây kim cổ mà không muốn an dân khi đã hoàn toàn chiến thắng, để được an vị lâu dài. Nhưng an vị lâu dài chỉ có thể có với lòng dân và trong lòng dân, bằng con đường hòa giải thật sự trong hành động chứ không bằng lời nói.

Và chỉ có thể hòa giải khi trả lại sự công bằng cho mọi người, mọi thành phần dân tộc, trong đó có bà con Việt Nam ta ở nước ngoài.

Về những bà con này, nhân cả nước kỷ niệm 30 năm ngày lập lại hòa bình trên quê hương, 30-4-1975 – 30-4-2005, tràn tình với những nhà lãnh đạo đất nước hiện nay, tôi đã viết :

“ ...Hàng triệu kiều bào ta ở nước ngoài, mà đa số đã ra đi cách đây ngót 30 năm trong những hoàn cảnh và nghịch cảnh rất khác nhau, nhiều khi là thảm cảnh, và con cháu họ, nay tuyệt đại đa số, nếu không nói là tất cả đều một lòng một dạ hướng về quê hương, với ước nguyện cháy bỏng được góp phần hàn gắn những vết thương chiến tranh, tô thắm non sông, làm giàu cho dân tộc. Ngay cả trong những lúc tha hương, nhiều khi bị đối xử bất công, ghẻ lạnh, những người đồng hương đồng bào ruột thịt đó cũng không ngừng nỗ lực hằng ngày làm rạng rỡ quê hương trên nhiều lãnh vực, trên trường quốc tế...

Chỉ tính riêng về mặt tài chánh thôi, thống kê vài năm qua cho thấy những người bà con đó đã lao động cật lực, đã nhịn ăn nhịn mặc để gửi về cho người thân trong nước khoảng trên dưới 3 tỷ đô la hằng năm. Nếu tính luôn những chuyến về thăm quê ngày càng nhiều, ngày càng đông, với những chi phí đi lại, dịch vụ, quà cáp hay giúp đỡ đầu này đầu nọ, trong các lãnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội, phát triển cộng đồng, chăn nuôi, trồng trọt, làm ăn buôn bán, v.v... thì tổng số kiều hối có thể lên đến gấp đôi. Tức tối thiểu cũng bằng khoảng 15 % tổng sản lượng nội địa. Không thể nói hằng tỷ đô la đó chỉ có thân nhân kiều bào là được hưởng còn xã hội không được hưởng gì. Làm sao những người bà con thân nhân kiều bào sinh hoạt, làm ăn sinh sống mà không với chính đồng bào mình chung quanh và ngược lại. Cũng không thể nói rằng chánh quyền ta, Nhà Nước ta không hề được nhẹ gánh lo âu phần nào cho xã hội nhờ có những đồng đô la tình nghĩa đó...

Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ quốc tế cho Việt Nam kết thúc ngày 02/12 năm 2004 tại Hà Nội với công bố chính thức cam kết cung cấp 3,4 tỷ đô la viện trợ phát triển cho Việt Nam, so với năm 2003 tăng thêm 600.000 đô la. Trong số tiền tài trợ đó, 30 % là viện trợ không hoàn lại, 70 % là tiền cho vay với lãi suất ưu đãi, kèm theo những khuyến cáo “ưu ái” như phải tăng cường cạnh tranh lành mạnh, đẩy lùi tham nhũng, cải tổ hành chính, tăng cường hiệu lực pháp luật, mở rộng dân chủ, cải thiện tính minh bạch công khai trong quản lý tài chính, tạo sân chơi bình đẳng giữa các doanh nghiệp tư nhân và Nhà nước, báo chí tự do, v.v...

So với tài trợ “hào hiệp” của quốc tế nêu trên đây thì số kiêu hời của bà con kiêu bào không phải là nhỏ, có thể nói là gấp đôi, nhưng tiếng nói của họ rõ ràng là thật khiêm tốn, có thể nói là gần như không có gì, khiêm tốn cả với những quyền lợi thiết thân, vật chất và tinh thần, đặc biệt là tinh thần, tình cảm của những bà con đó rờn rã trong mấy chục năm qua. Hay có chăng là thỉnh thoảng một số kiêu bào được mời đến, được mời về để được nghe ca ngợi đóng góp, kêu gọi đóng góp tiếp và thêm, và để được nghe tuyên bố về quyết tâm ngày càng cao của chính quyền rất coi trọng, lúc nào cũng coi trọng bà con kiêu bào ta ở nước ngoài, nhưng chỉ ở nước ngoài thôi, còn trong nước thì... là việc hoàn toàn khác. Trong nước thì cái nhà của họ không hẳn là nhà của họ, cái diện của họ không như cái diện của người khác, cái giá vé, cái tiền thuế, cái giấy phép... và mọi thứ khác của họ là hoàn toàn không như của người khác...

Lực lượng kiêu bào ta ở khắp năm châu hiện nay là một lực lượng đáng kể và đáng nể, mà không phải đất nước nào, dân tộc nào cũng có được. Không chỉ về số lượng mà còn là, và nhất là về chất lượng. Đây còn là một tổng hợp, một kế thừa hiếm thấy từ khi nước ta còn là một thuộc địa. Từ những người lính thợ trong thế chiến II. Từ những bậc tiền bối ra đi tìm đường cứu nước. Từ cụ Phan Châu Trinh và các bạn già trẻ của Người, trong đó có nhà báo yêu nước tiên bối Nguyễn An Ninh. Từ những làn Nguyễn Ái Quốc đặt chân đến Paris, đến San

Francisco. Từ những năm 1945, những năm 1954, qua 1968 đến 1973, với Hiệp định Hòa bình Paris, cho đến tận bây giờ. Từ những người trẻ trung ưu tú bỏ lại tất cả sau lưng để về chiến khu, theo tiếng gọi của núi sông và của chủ tịch Hồ Chí Minh, cho đến đàn con đàn cháu rủ nhau lần lượt về Sài Gòn, về Hà Nội, về Việt Nam góp phần xây dựng đất nước. Họ đã được sử dụng, đối xử, bồi dưỡng thế nào để gọi là xứng đáng : xứng đáng với tấm lòng của họ, và xứng đáng với những người đã và đang kế thừa sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh ?

Chiến tranh đi qua đã để lại cho đất nước ta những hậu quả thật đau lòng, những vết thương hằn sâu âm ỉ... nhưng cũng “ an ủi ”, “ bù lỗ rộng rãi ” cho dân tộc ta một lực lượng cổ kim mới thấy : một lực lượng hải ngoại hơn hai triệu người, và còn nhân lên hơn nữa, đa tài, đa năng, đa phương tiện, đa tay nghề, đa nguồn gốc xuất thân, đa môi trường đào tạo, trui luyện... và nhất là giàu lòng yêu nước thương nòi.

Thử hỏi ngàn ấy người, với tài năng nhiệt huyết như vậy, nếu không yêu nước thì sẽ là một áp lực như thế nào, về mặt chính trị, về mặt kinh tế ? Trong nhiều tình huống, trong nhiều cấp độ ? Chính lòng yêu nước, chứ không vì một lý do gì khác, kể cả lý do vì có thân nhân đang sinh sống trong nước, đã khiến kiều bào ta ở nước ngoài tìm cách giúp nước, không nhiều thì ít, hoặc nếu không giúp được gì thì cũng không làm gì gây phương hại cho đất nước.

Cái gì làm nên tài năng, cống hiến đáng nể của kiều bào ta ở nước ngoài khi bà con ở nước ngoài ? Cái gì phát huy được bà con ở nước ngoài mà không phát huy, trái lại còn hạn chế họ ở trong nước ? Đừng tưởng đó chỉ là vì điều kiện vật chất, chỉ vì điều kiện vật chất đang thiếu thốn trong nước. Nhưng trước hết đó chính là điều kiện tinh thần. Điều kiện vật chất nào đã khiến cho trước đây các nhà trí thức ở nước ngoài, nhất là ở Pháp về, phát huy tối đa tài năng và óc sáng tạo ở chiến khu, ở Hà Nội, để ta đánh trả lại giặc có hiệu quả, trong những năm chiến tranh ác liệt nhất ? Và điều kiện nào khiến họ không phát huy được nữa khi hết cơn nguy, khi hết tiếng súng ? Hãy để cho họ được hưởng một

không khí cởi mở, thẳng thắn, bình đẳng tôn trọng lẫn nhau, và dân chủ công bằng.

Không thể mãi mãi sử dụng mà không bồi đắp. Để có thể huy động và phát huy toàn lực bà con kiều bào ở nước ngoài, phải trả lại sự công bằng cho bà con. Trước hết là ngưng phân biệt đối xử. Kế đến là trả lại cho bà con cái gì là của bà con.

Nói như vậy không có nghĩa là phải đòi lại, phải trả lại tất cả những cái gì đã được cho, được hưởng. Làm như vậy không hẳn sẽ giải quyết rốt ráo, ổn thỏa vấn đề và không phát sinh nhiều phức tạp rối rắm. Bởi có nhiều tài sản đến nay ắt đã qua tay nhiều chủ... Không ! Ai có công đáng hưởng thì cứ hưởng, và có thể sẽ hưởng tiếp, miễn sao cho công bằng. Có những cách thức thỏa đáng để trả lại sự công bằng mà không bắt buộc phải làm khổ nhau nữa, làm khổ nhau mãi... Đây là cách để xóa mây mù chớ không phải để tạo thêm hiềm khích...

30 năm qua, trong hòa bình xây dựng và thống nhất, với đóng góp của toàn dân, ta đã có một gia tài mới, là thành quả công lao của mọi người không trừ ai, càng không thể trừ bà con kiều bào ở nước ngoài... Hãy từ tài sản chung, có được từ hòa bình xây dựng và từ đóng góp chung đó, trả lại cho bà con kiều bào cái gì chính đáng là của họ... Có thể cũng không cần phải trả lãi, nhưng cần tương đối sòng phẳng... Nói như vậy có quá đáng không ?

Không quá đáng chút nào cả, vì đó là bốn phận của Nhà nước, bốn phận phân bổ và điều tiết của cải xã hội cho công bằng. Nhà nước bây giờ là của nhân dân, của toàn thể nhân dân chớ không riêng của một thành phần nào. Không thể phân biệt đối xử với thành phần này thành phần nọ trong nhân dân mà gọi là Nhà nước của nhân dân được. Nhà nước không thể phân biệt đối xử, mất công bằng mà Đại đoàn kết được, mà nói là hòa giải hòa hợp dân tộc được. Dân tộc thống nhất không có trừ, Nhà nước của toàn dân cũng không được trừ.

Không quá đáng chút nào cả ! Mà ngược lại, nếu không làm được như vậy, nếu không trả lại sự công bằng cho mọi người, trong đó có bà con kiều bào, thì mới là quá đáng. Bởi làm sao có thể cắt nghĩa được, từ tài sản chung của đất nước, gom góp từ nhiều nguồn, chắt chiu gầy dựng sau chiến tranh, nhưng lại có một thành phần không nhỏ là triệu phú đô la mà không rõ nguồn gốc, có thành phần thì nghèo kiệt xác, và bà con kiều bào – cũng là thành phần có ít nhiều đóng góp, nếu không nói là đóng góp không thua ai – thì lại mất của ? Nhà Nước của nhân dân – mà bây giờ là không trừ ai – có thể nào không xót xa, có thể nào không có trách nhiệm trước tình hình như vậy ?

Nếu còn gì đó lẩn cán với nhau, nếu còn ai đó tính toán “ công tội ” với nhau, những công tội của quá khứ chiến tranh, thì hãy để cho những người trẻ Việt Nam trong nước và những người trẻ Việt Nam ngoài nước hợp lực hòa giải với nhau. Những người trẻ trên dưới ba mươi, những người trẻ của thế hệ 30-4-1975, mà nay đã tròn 30 tuổi, tuổi của “ tam thập nhi lập ”, tuổi xứng đáng để nhận lãnh vai trò nhiệm vụ kế thừa gánh vác việc nước, việc dân. Những người trẻ không hề biết chiến tranh, cũng không hề muốn thấy nó tái diễn – nhất là loại chiến tranh giữa những người “ cùng một bọc ” những người trẻ không tì vết, không mặc cảm, không hận thù, không so đo. Những người trẻ đang dự phần ngày càng nhiều vào việc xây dựng và quản lý đất nước. Họ là thành phần đông đảo nhất, nếu không nói là đa số, lại là sung sức nhất của dân tộc. Hãy để cho họ giải quyết với nhau, trong tình huynh đệ, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, đùm bọc lẫn nhau. Và hào hiệp, quảng đại với nhau, vì đó là đức tính chung nhất của tuổi trẻ.

Bản lĩnh Việt Nam hải ngoại đang hẹn bản lĩnh Việt Nam quốc nội để cùng hè nhau làm cho bằng được việc này. Bởi đây là cơ hội tạo nên sức bật quyết định cho đất nước... Bởi đây có thể gọi là cơ hội lịch sử góp phần quyết định gạch ngang quá khứ, khép kín thương đau, vạch đường tương lai để muôn người

Việt Nam như một tiến về phía trước... (trích “ Tôi muốn nói ”, 24-4-2005, HNN).

Có một anh bạn là một cán bộ cao tuổi, khi đọc qua đoạn trên đã gọi điện cho tôi, nói : anh không ngủ được vì bản khoãn không biết điều trên đây liệu có khả thi hay không. Tôi cười, thưa với anh : nếu ta có tiền để bù lỗ trong hàng chục năm qua cho hàng chục ngàn xí nghiệp quốc doanh, là những chiếc thùng và những túi tham không đáy, nếu ta có tiền để trả nợ vay nước ngoài không biết cho đến bao giờ mới hết, nếu ta có tiền để bù giải tỏa để xây dựng những công trình lớn nhỏ thường xuyên bị rút ruột gần hết, nếu ta có tiền để ồ ạt đô thị hóa nhiều vùng trên cả nước, để bắc cầu lớn nhỏ qua sông Mê Kông, v.v... và tất cả là từ công sức của cải đóng góp của nhiều thành phần, nhiều thế hệ đồng bào trong và ngoài nước từ ngày chiến tranh chấm dứt, thì làm sao không thể dành ra phần nào để đền bù một phần mất mát của một bộ phận có đóng góp đáng kể của dân tộc, để bắc cầu hòa giải giữa những đồng bào ruột thịt với nhau ? Vấn đề là chúng ta có muốn thật sự hàn gắn những vết thương chiến tranh chính là những vết thương tinh thần hay không... Vấn đề là ta có muốn thật sự hòa giải hay không. Và nếu không thật sự hòa giải thì làm sao có thể tiến tới xây dựng một nước Việt Nam “ ... công bằng, dân chủ và văn minh ” ?

Nhưng tôi tin rằng sớm muộn nước ta cũng sẽ tiến tới điều đó. Và tiến tới sớm hơn là ta tưởng.

(Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2006)